

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ NỘI DUNG SỐ ECOMEDIA

CÔNG BỐ NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG TY

1. Tên công ty

Tên công ty viết tắt bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ NỘI DUNG SỐ ECOMEDIA

Tên công ty viết tắt bằng tiếng Anh: ECOMEDIA SOFTWARE AND DIGITAL CONTENT SOLUTION SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt tiếng Anh: ECOMEDIA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107822852

3. Ngày thành lập: 26/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 55, Đường Nguyễn Văn Chi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 0947670500

Fax:

Email: ecomedia.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ lắp đặt và vận hành hệ thống máy tính và thiết bị văn phòng (phần cứng, phần mềm, mạng...)	5621
2.	Cho thuê máy móc, thiết bị và dụng cụ hỗ trợ trong xây dựng	7730
3.	Bán buôn bán lẻ đồ gia dụng Chi tiết: - Bán buôn bán lẻ đồ gia dụng, đồ dùng gia đình, đồ dùng văn phòng, đồ dùng văn phòng phẩm - Bán buôn bán lẻ đồ gia dụng, đồ dùng gia đình, đồ dùng văn phòng, đồ dùng văn phòng phẩm - Bán buôn bán lẻ đồ gia dụng, đồ dùng gia đình, đồ dùng văn phòng, đồ dùng văn phòng phẩm	4649
4.	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
5.	Tư vấn và thiết kế hệ thống máy tính và thiết bị văn phòng	6202
6.	Lắp đặt và vận hành hệ thống máy tính và thiết bị văn phòng	6201
7.	Bán lẻ đồ gia dụng, đồ dùng gia đình, đồ dùng văn phòng, đồ dùng văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ gia dụng, đồ dùng gia đình, đồ dùng văn phòng, đồ dùng văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh	4772
8.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào loại Chi tiết: Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin truyền thông và internet thông tin và truyền thông	6329(Chính)
9.	Hoạt động liên quan đến kinh doanh, kinh doanh và vận chuyển hàng hóa	6920
10.	Lắp đặt và vận hành hệ thống máy tính và thiết bị văn phòng, thiết bị văn phòng, thiết bị văn phòng, thiết bị văn phòng	4322
11.	Bán buôn bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

12.	B"n bu»n m"y m ¹ c, thi t b v© ph t¿ng m"y kh"c Chi ti t: - B"n bu»n m"y m ¹ c, thi t b v© ph t¿ng m"y khai kho"ng, x ^a y d ng - B"n bu»n m"y m ¹ c, thi t b Li n, v t li u Li n (m"y ph"t Li n, L ng c Li n, d ^a y Li n v© thi t b kh"c d¿ng trong m ch Li n) - B"n bu»n m"y m ¹ c, thi t b v© ph t¿ng m"y d t, may, da giày - B"n bu»n m"y m ¹ c, thi t b v© ph t¿ng m"y v"n ph"ng (tr m"y vi t"nh v© thi t b ngo i vi) - B"n bu»n m"y m ¹ c, thi t b y t	4659
13.	Ho t L ng d ch v h tr kinh doanh kh"c c"n l i ch a L c ph ^a n v©o L ^a u	8299
14.	S a ch a thi t b Li n t v© quang h c	3313
15.	S n xu t, truy n t i v© ph ^a n ph i Li n	3510
16.	X ^a y d ng c»ng tr¿nh k thu t d ^a n d ng kh"c Chi ti t: - X ^a y d ng c»ng tr¿nh c»ng nghi p, tr nh© c a nh : + C"c nh© m"y l c d u, + C"c x ng ho" ch t, - X ^a y d ng c»ng tr¿nh c a nh : + ñ ng thu , b n c ng v© c"c c»ng tr¿nh tr ² n s»ng, c"c c ng dul ch, c a c ng... + ñ p v© L ² . - X ^a y d ng L ng h m; - C"c c»ng vi c x ^a y d ng kh"c kh»ng ph i nh© nh : C"c c»ng tr¿nh th thao ngo i tr i - X ^a y d ng c»ng tr¿nh L ng d ^a y v© tr m bi n"p L n 500kV - X ^a y d ng c»ng tr¿nh th y Li n v a v© nh , c"c c»ng tr¿nh n"ng l ng Li n, gi ¹	4290
17.	Chu n b m t b ng	4312
18.	B"n bu»n v i, h©ng may s n, gi©y d"p	4641
19.	S n xu t c"c lo i h©ng d t kh"c ch a L c ph ^a n v©o L ^a u	1329
20.	May trang ph c (tr trang ph c t da l»ng th ^¼)	1410
21.	D ch v li ² n quan L n in	1812
22.	S a ch a thi t b Li n	3314
23.	Qu ng c"o	7310

24.	Ho t L ng x^ay d ng chuy²n d ng kh^c Chi ti t: - Ho t L ng x^ay d ng chuy²n d ng trong m t b ph n th»ng th ng kh^c nhau v th lo i c u tr³4c, y²u c u ph i c¹ k nNng ri²ng chuy²n s^au ho c ph i c¹ thi t b d²ng ri²ng nh : + X^ay d ng n n m¹ng c a to nh⁰, g m L¹ng c c, + Th L m v⁰ c^cc»ng vi c th n c, + Ch ng m c^cc to nh⁰, + Ch»n ch^an tr , + D b c^cc ph n th^op kh»ng t s n xu t, + U n th^op, + X^ay g ch v⁰ L t L², + L p mⁱi bao ph to nh⁰, + D ng gi⁰n gi^o v⁰ c^cc»ng vi c t o d ng m t b ng b ng d b ho c ph hu c^cc»ng trnh x^ay d ng tr vi c thu² gi⁰n gi^o v⁰ m t b ng, + D b ng kh¹i v⁰ c^cc n i h i c»ng nghi p, + C^cc»ng vi c L^oi h i chuy²n m»n c n thi t nh k nNng tr±o v⁰ s d ng c^cc thi t b li²n quan, v d l m vi c t ng cao trên các công trình cao. - C^cc»ng vi c d i b m t; - X^ay d ng b b i ngo i tr i; - R a b ng h i n c, n c^tt v⁰ c^cc ho t L ng t ng t cho b ngoài toà nhà; - Thu² c n tr c c¹ ng i Li u khi n	4390
25.	Sao ch ^o p b n ghi c ^c c lo i	1820
26.	T ch c gi i thi u v ⁰ x ³ 4c ti n th ng m i	8230
27.	S a ch a m ^y vi t ⁿ h v ⁰ thi t b ngo i vi	9511
28.	Ph ² d	4311
29.	L p L t h th ng Li n	4321
30.	B ⁿ bu»n chuy ² n doanh kh ^c ch a L c ph ^a n v ⁰ o L ^a u	4669
31.	B ⁿ l m ^y vi t ⁿ h, thi t b ngo i vi, ph n m m v ⁰ thi t b vi n th»ng trong c ^c c c a h»ng chuy ² n doanh	4741
32.	B ⁿ bu»n v t li u, thi t b l p L t kh ^c trong x ^a y d ng	4663
33.	D ch v ph c v L u ng	5630
34.	ñ i l I, m»i gi i, L u gi ^o Chi ti t: ñ i l I	4610
35.	X ^a y d ng nh ⁰ c ^c c lo i	4100
36.	X l I d li u, cho thu ² v ⁰ c ^c c ho t L ng li ² n quan	6311
37.	Ho t L ng d ch v c»ng ngh th»ng tin v ⁰ d ch v kh ^c li ² n quan L n m ^y vi t ⁿ h	6209
38.	C ng th»ng tin	6312
39.	Ho t L ng ki n tr ³ 4c v ⁰ t v n k thu t c ¹ li ² n quan	7110
40.	Nghi ² n c u th tr ng v ⁰ th N m d ^o d lu n	7320

41.	Ho t L ng thi t k chuy ² n d ng Chi ti t: - D ch v thi t k L th - Ho t L ng trang tr' n i th t	7410
42.	B"n bu»n m"y vi t'nh, thi t b ngo i vi v© ph n m m	4651
43.	In n	1811
44.	Nh© h©ng v© c" c d ch v Ín u ng ph c v l u L ng	5610
45.	Gia c»ng c kh'; x l l v© tr"ng ph kim lo i Chi ti t: - S n xu t c a nh»m, c a nh a - S n xu t L inox	2592
46.	S a ch a m"y m ¹ c, thi t b	3312
47.	S n xu t trang ph c d t kim, Lan m ¹ c	1430

6. V n Li ul : 2.000.000.000 VNñ

M nh gi" c ph n: 20.000 VNñ/C ph n

7. S c ph n L c quy n ch©o b"n:

8. C L»ng s"ng l p:

STT	T ² n c L»ng	N i L»ng k l h kh u th ng tr ^{3/4} L i v i c" nh"n; L a ch tr s ch"nh L i v i t ch c	Lo i c ph n	S c ph n	Gi" tr c ph n (VNñ)	T l (%)	S gi y CMND (ho c s ch ng th c cá nhâ khác); Mã s doanh nghì p; S quy t L nh th©nh l p	Ghi chú
1	Lé TH THU PH NG	T d"n ph Ph ^{3/4} M , Ph ng M ñnh 2, Qu n Nam T Li ² m, Th©nh ph H© N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	25.000	500.000.000	25,000	012201409	
			T ng s	25.000	500.000.000	25,000		
2	Lé T T V l N	S 10 Nguy n Th ñnh, Ph ng Trung Ho©, Qu n C u Gi y, Th©nh ph H© N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	25.000	500.000.000	25,000	0010780014 73	
			T ng s	25.000	500.000.000	25,000		
3	Lé TH THANH	T d"n ph Ph ^{3/4} M , Ph ng M ñnh 2, Qu n Nam T Li ² m, Th©nh ph H© N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	50.000	1.000.000.000	50,000	B8015407	
			T ng s	50.000	1.000.000.000	50,000		

9. C L»ng l© nh© L u t n c ngo i:

STT	T ² n c L»ng	Ch hi nt i E i v i c" nh ^a n; E a ch tr s ch'nh E i v i t ch c	Lo i c ph n	S c ph n	Gi" tr c ph n (VNñ; gi" tr t ng E ng b ng ti n n c ngo ⁰ i, n u c ¹)	T l (%)	S h chi u E i v i c" nhân; Mã s doanh nghì p E i v i doanh nghì p; S Quy t E nh th ⁰ nh l p E i v i t ch c	Ghi chú
-----	-------------------------	---	----------------	-------------	---	------------	---	------------

10. Ng i E i di n theo ph"p lu t:

* H v⁰ t²n: L^c TH THANH

Gi i t'nh: N

Ch c danh: Gi"m E c

Sinh ngày: 23/07/1984

D^an t c: Kinh

Qu c t ch: Vi t Nam

Lo i gi y t ch ng th c c" nh^an: H chi u Vi t Nam

S gi y ch ng th c c" nh^an: B8015407

Ng⁰y c p: 10/06/2013

N i c p: C c qu n l^l Xu t nh p c nh

N i L^lNg k^l h kh u th ng tr³/₄: T d^an ph Ph³/₄ M , Ph ng M ñ^unh 2, Qu n Nam
T Li²m, Th⁰nh ph H⁰ N i, Vi t Nam

Ch hi nt i: S 55, E ng Nguy n ñ ng Chi, Ph ng C u Di n, Qu n Nam T
Li²m, Th⁰nh ph H⁰ N i, Vi t Nam

11. N i L^lNg k^l: Ph^ong ñ^lNg k^l kinh doanh Th⁰nh ph H⁰ N i